

Số : 11027/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 04 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
Công trình: Sửa chữa định kỳ tuyến ĐT.758 đoạn từ Km13+500
đến Km24+300, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Văn bản số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 33/TTr-SGTVT ngày 27/5/2015 (kèm theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình, Báo cáo thẩm định số 121/BCTĐ-SGTVT ngày 27/5/2015),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình sửa chữa định kỳ tuyến ĐT.758 đoạn từ Km13+500 đến Km24+300, tỉnh Bình Phước, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: sửa chữa định kỳ tuyến ĐT.758 đoạn từ Km13+500 đến Km24+300, tỉnh Bình Phước.



2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước.

3. Đại diện Chủ đầu tư: Ban QLDA vốn SNKT ngành Giao thông vận tải.

4. Tổ chức lập hồ sơ Báo cáo KTKT: Công ty TNHH tư vấn kiểm định Toàn Quốc.

5. Chủ nhiệm lập hồ sơ Báo cáo KTKT: Nguyễn Văn Răng.

6. Mục tiêu đầu tư xây dựng: khắc phục tình trạng xuống cấp và nâng cao sức chịu tải của công trình, đảm bảo an toàn giao thông, nâng cao hiệu quả khai thác, đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải, bảo vệ môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

7. Nội dung và quy mô đầu tư

7.1. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu

Căn cứ mục tiêu của dự án, nhu cầu vận tải, quy trình thiết kế đường ô tô (TCVN 4054-2005), chọn phương án đầu tư công trình với các chỉ tiêu kỹ thuật:

- Cấp quản lý:	Đường cấp IV
- Cấp kỹ thuật:	40
- Vận tốc thiết kế:	40 Km/h
- Cấp áo đường:	Cấp cao A2 láng nhựa
- Chiều dài tuyến:	10.800 m
- Bề rộng lề đường:	1,5m x 2 bên; i=4%
- Bề rộng mặt đường:	6,0m, i=3%
- Tải trọng thiết kế (trục đơn):	10 Tấn/trục
- Bề rộng nền đường tối thiểu	9,0m

7.2. Giải pháp sửa chữa: kết cấu mặt đường cấp cao A2

- Kết cấu mặt đường đoạn bị rạn nứt bong tróc: láng nhựa 1 lớp tiêu chuẩn 1,8kg/m² hoặc láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3,0kg/m²;

- Kết cấu mặt đường tại những vị trí dậm vá sửa chữa, sửa chữa ổ gà nhẹ: láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn 4,5kg/m²;

- Kết cấu mặt đường tại những vị trí cần tăng cường đá:

+ Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn 4,5kg/m²;

+ Tăng cường lớp đá 4x6 chèn đá dăm dày 10cm trên mặt đường láng nhựa hiện hữu (Lý trình cụ thể thể hiện trên bình đồ);

+ Tăng cường lớp đá 4x6 chèn đá dăm dày 14cm, $E \geq 135 \text{Mpa}$ trên mặt đường láng nhựa hiện hữu (Lý trình cụ thể thể hiện trên bình đồ).

7.3. Kết cấu lề đường: đắp sỏi đỏ, lu lèn $K \geq 0,95$.

7.4. Hệ thống thoát nước: hệ thống thoát nước hiện hữu

7.5. Hệ thống ATGT: theo quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT.

8. Địa điểm xây dựng: huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

9. Diện tích sử dụng đất: trong phạm vi nền đường đang khai thác và quỹ đất hành lang an toàn giao thông đường bộ.

10. Loại, cấp công trình: sửa chữa đường bộ.

11. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

11.1. Tiêu chuẩn khảo sát

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263-2000;
- Quy trình đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96TCN43-90;

11.2. Tiêu chuẩn thiết kế

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005;
- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm 22TCN211-06.

11.3. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN 4447-2012;
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nền đường ô tô TCVN 9436:2012
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp kết cấu áo đường đá dăm nước TCVN 9504:2012;
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu mặt đường láng nhựa nóng TCVN 8863: 2011;

Và các quy trình, quy phạm hiện hành khác có liên quan

12. Những vấn đề khác: Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát và Nhà thầu lưu ý các vấn đề sau:

- Tổ chức đảm bảo ATGT, vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công theo quy định hiện hành.

- Thường xuyên có mặt tại hiện trường để kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh, đảm bảo tiến độ thi công.

13. Tổng dự toán: **2.712.799.843 đồng**

(Hai tỷ, bảy trăm mười hai triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng sau thuế: 2.356.758.969 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 48.399.259 đồng
- Chi phí tư vấn xây dựng: 157.394.589 đồng
- Chi phí khác: 28.291.820 đồng
- Chi phí dự phòng: 121.955.206 đồng

14. Nguồn vốn đầu tư: vốn Sự nghiệp giao thông năm 2015 – 2016.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

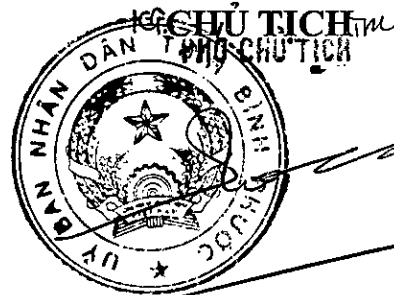
16. Thời gian thực hiện dự án: năm 2015.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải là Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn lập hồ sơ Báo cáo KTKT và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP; P. KTN;
- Lưu: VT (T.06).



Trần Ngọc Trai